

BÀI 12 いつ日本に来ましたか
ITSU NIHON NI KIMASHITA KA

さくら Sakura	ロドリゴさんはいつ日本に来ましたか。 RODORIGO-SAN WA ITSU NIHON NI KIMASHITA KA.	Anh Rodrigo này, anh đến Nhật Bản khi nào?
ロドリゴ Rodrigo	3月に来ました。 SANGATSU NI KIMASHITA.	Tôi đến hồi tháng 3.
さくら Sakura	もう日本の生活に慣れた？ MÔ NIHON NO SEIKATSU NI NARETA?	Anh đã quen với cuộc sống ở Nhật Bản chưa?
ロドリゴ Rodrigo	ええ、まあ。 Ê, MÂ.	Vâng, tôi cũng hơi quen rồi.



Mẫu ngữ pháp

① Động từ thể TA

☞ *Động từ: Xem trang 54, 55*

- ◈ Động từ thể TA là các động từ khi chia kết thúc bằng TA hoặc DA, mang ý nghĩa hành động ở quá khứ hoặc đã hoàn thành.
- ◈ Dùng thể này, câu nói sẽ thân mật hơn.
  Ví dụ: NAREMASU (quen với cái gì) ⇒ NARETA (đã quen với cái gì)
- ◈ Cách chia động từ thể TA giống cách chia động từ thể TE trong bài 8 và 9: chỉ cần thay TE bằng TA, và DE bằng DA.

② Các tháng

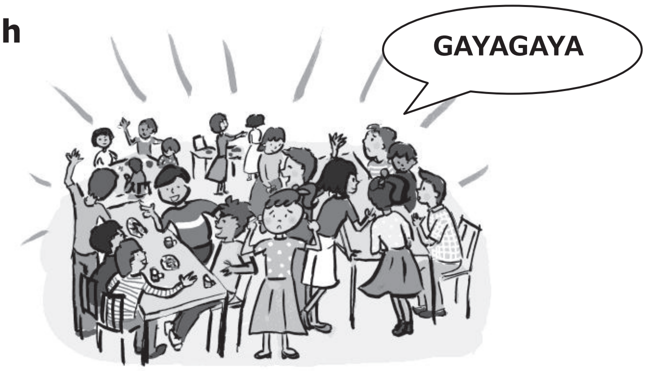
ICHIGATSU	Tháng 1	GOGATSU	Tháng 5	KUGATSU	Tháng 9
NIGATSU	Tháng 2	ROKUGATSU	Tháng 6	JÛGATSU	Tháng 10
SANGATSU	Tháng 3	SHICHIGATSU	Tháng 7	JÛICHIGATSU	Tháng 11
SHIGATSU	Tháng 4	HACHIGATSU	Tháng 8	JÛNIGATSU	Tháng 12



Từ tượng thanh và tượng hình



Từ miêu tả việc nhiều người tụ tập vui vẻ



Từ miêu tả cảnh nhiều người nói chuyện huyên náo, có thể là hơi ầm ĩ